

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/DS-ST

Ngày: 24 - 5 - 2019

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Triệu Lát;
2. Ông Thái Trung Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2018/TLST-DS, ngày 07 tháng 12 năm 2018 về *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2019/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số nhà 01 khóm L, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Bà Lâm Thị S, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà 04 khóm L, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/11/2018 (BL 17) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngô Thị L trình bày:

Vào năm 2011, bà L và bà Lâm Thị S có thỏa thuận với nhau về việc cho vay,

cụ thể như sau:

- Ngày 19/12/2011 (âl) bà L cho bà S vay 01 (một) lượng vàng miếng SJC và 10.000.000đ (mười triệu đồng).
- Ngày 23/12/2011 (âl) bà L cho bà S vay 01 (một) lượng vàng miếng SJC.
- Ngày 10/01/2012 (âl) bà L cho bà S vay 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Khi vay, bà S trình bày là cần vốn nuôi tôm, do chỗ họ hàng với nhau nên bà L giúp đỡ cho bà S vay mà không tính lãi. Thời điểm đó, bà S cam kết sau khi vay sẽ thế chấp Quyền sử dụng đất cho Ngân hàng vay tiền để trả cho bà L. Tuy nhiên, sau khi nhận 02 (hai) lượng vàng miếng SJC và 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) thì bà S không thực hiện đúng cam kết nên phát sinh tranh chấp.

Nay, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà S phải trả cho bà toàn bộ số nợ nêu trên và không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp là bản sao chứng minh nhân dân của bà Ngô Thị L, bản sao sổ hộ khẩu của bà Ngô Thị L, Biên bản hòa giải ngày 14/3/2018 tại khóm L, phường K.

Tại các Biên bản hòa giải ngày 15/01/2019 (BL 26,27), ngày 12/4/2019 (BL 34,35) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Lâm Thị S trình bày: Đúng là bà S có vay tiền của bà L 3 lần với ngày tháng và số vàng, tiền như bà L trình bày tổng cộng là 02 (hai) lượng vàng miếng SJC và 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Lúc đó, do cần vốn nuôi tôm nên bà S có xin bà L cho vay, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn thanh toán. Từ khi vay đến nay, bà S chưa trả cho bà L số tiền và vàng này. Nay, bà S cũng thống nhất là còn nợ của bà L 02 (hai) lượng vàng miếng SJC và 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) nhưng do hoàn cảnh khó khăn, khi nào nuôi tôm trúng thì bà S sẽ trả số nợ này cho bà L.

Bà S đồng ý với tài liệu, chứng cứ do bà L giao nộp và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Ngô Thị L khởi kiện, yêu cầu bà Lâm Thị S trả số nợ vay là 02 (hai) lượng vàng miếng SJC và 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Đây là các giao dịch dân sự được quy định tại Điều 463, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã V theo quy

định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L về việc yêu cầu bà Lâm Thị S có trách nhiệm trả lại số vàng, tiền vay là 02 (hai) lượng vàng miếng SJC và 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà L khởi kiện bà S còn nợ vàng, tiền vay là 02 (hai) lượng vàng miếng SJC và 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Khi vay, các bên không lập thành văn bản mà chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có thỏa thuận lãi suất và cũng không thỏa thuận thời điểm cụ thể thanh toán. Bị đơn Lâm Thị S thừa nhận có giao dịch vay và hiện nay còn nợ số tiền và vàng nêu trên là đúng, tuy nhiên do không có khả năng nên bị đơn không thanh toán số nợ này được mà hẹn khi nào có thì trả. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Bà L đã nhiều lần yêu cầu bà S thanh toán nhưng bà S chỉ hứa hẹn mà không trả nợ, việc này có nghĩa là bà L đã thực hiện đúng nghĩa vụ báo trước, bà S đề nghị khi nào có thì trả nhưng bà L không đồng ý nên bà S phải có nghĩa vụ trả tiền vay theo quy định tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ các căn cứ nêu trên, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, có cơ sở khách quan để kết luận việc giao dịch dân sự giữa các bên đối với số nợ là 02 (hai) lượng vàng miếng SJC và 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) là hợp đồng vay không kỳ hạn, không có lãi.

Tại phiên tòa, bà L tiếp tục yêu cầu bà S thanh toán số nợ nêu trên mà không yêu cầu tính lãi suất là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Lý có đơn yêu cầu thi hành án, bà Sen phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bà S phải chịu toàn bộ án phí có giá ngạch tương ứng với nghĩa vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tại thời điểm xét xử giá vàng miếng SJC là 36.160.000đ/1 lượng, cụ thể bà Sen phải chịu án phí là 92.320.000đồng x 5% = 4.616.000đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 144, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 469, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngô Thị L đối với bị đơn Lâm Thị S, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc bà Lâm Thị S có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị L số vàng và tiền là 02 (hai) lượng vàng miếng SJC và 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà L có đơn yêu cầu thi hành án, bà S phải trả lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.616.000đ (Bốn triệu sáu trăm mười sáu ngàn đồng).

Bà Ngô Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.316.500đ (hai triệu ba trăm mười sáu ngàn năm trăm đồng) theo Biên lai thu số 0004029 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã V.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã V;
- Chi cục THADS thị xã V;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ THỊ HIẾU